

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29/ 6 /2018
*V/v Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình"*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – NINH BÌNH
Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Lưu Danh Sử.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29/ 6 /2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2018 về "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXX-ST ngày 12/6/2018 về việc ly hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Nghề nghiệp: Kế toán.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1985.

Nghề nghiệp: Chuyên viên Trung tâm kinh doanh VNPT Ninh Bình.

Địa chỉ: Bản S, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chị H và anh C vắng mặt có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 10/4/2018 và biên bản hòa giải ngày 20 tháng 4 năm 2018 chị H, trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn vào ngày 01/7/2013 đăng ký tại UBND xã K là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chị sinh sống tại Hà Nội một thời gian, sau khi sinh con thì chuyển về huyện V, tỉnh Hưng Yên để sinh sống. Vợ chồng chị H sống hạnh phúc đến khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh

tế gia đình khó khăn, anh C không chịu khó làm ăn, không lo cho vợ con, chị H đã nhiều lần khuyên bảo anh C, nhưng anh C không nghe và thường xuyên mượn tiền của bạn bè và vay tín dụng đen, Chị H bị nhiều người gọi điện đòi tiền và đe dọa về tinh thần. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2017 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ đó không quan tâm đến nhau nữa, nay chị thấy tình cảm với anh C không còn, không có khả năng đoàn tụ, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 29/11/2013, hiện nay đang ở với chị H. Nếu ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị H nhận nộp cả theo quy định của Pháp luật.

Ý kiến anh C: Trong bản tự khai ngày 04/4/2018 và các biên bản hòa giải ngày 20/4/2018 anh C xác định lời khai của chị H về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, công nợ chung là đúng. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh C xác định là do kinh tế gia đình khó khăn, công việc chưa ổn định, thu nhập không ổn định, gia đình hai bên không hỗ trợ, giúp đỡ gì được cho công việc của anh, anh phải tự thân một mình bươn chải để kiếm việc làm, nhưng anh vẫn còn tình cảm với vợ con, hiện nay anh đã xin được việc làm ổn định, có điều kiện để chăm lo cho vợ con, anh không nhất trí ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái khôn lớn trưởng thành. Anh đề nghị Tòa án hòa giải và cho anh thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ, anh sẽ cố gắng sửa đổi những lỗi lầm, khuyết điểm mà anh đã từng có.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Nếu phải ly hôn thì anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đến ngày 22/6/2018 chị H và anh C có đơn thuận tình ly hôn, hai bên đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

- Chị H và anh C thuận tình ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.
- Về con chung chị H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 29/11/2013, hiện nay đang ở với chị H, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.
- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán của thư ký là đúng.

Việc chấp hành quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định của pháp luật tại các điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Duy C.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 29/11/2013 cho chị Lê Thị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.
3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị H phải chịu 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của chị H với anh C, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật sau đó tiến hành hòa giải về tình cảm, con chung và tài sản chung, công nợ chung giữa chị H và anh C. Căn cứ vào quy định của Pháp luật đến ngày 12 tháng 6 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn với nhau vào ngày 01/7/2013 có đăng ký tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tình cảm vợ chồng : Anh C, chị H chỉ sống hạnh phúc với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn dù chị H và anh C trình bày có những điểm khác nhau nhưng trên thực tế chị H và anh C đã sống ly thân từ tháng 4/2017, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại tỉnh Hưng Yên ở từ đó đến nay không quan hệ tình cảm, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau. Từ mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh C cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thuận tình ly hôn đề nghị Tòa án công nhận. Xét khả năng hàn gắn tình cảm và việc đoàn tụ của hai người không còn. Vì vậy cần chấp nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh C xử công nhận thuận tình ly hôn của họ để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 29/11/2013 ở với chị H từ ngày chị sống ly thân với anh C, cũng như điều kiện sống của chị H với công việc ổn định, thu nhập đảm bảo nên chị có điều kiện để chăm sóc cháu P ổn định về cuộc sống và học tập hơn anh C. Từ sự thỏa thuận của Anh C và chị H thì cháu P sẽ giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi để đảm bảo sự phát triển và ổn định của cháu. (áp dụng các Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014); Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí ly hôn: Chị H phải nộp theo quy định của Pháp luật là 300.000 đồng, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 55,58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 5, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Tuyên bố: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Duy C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

Giao cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 29/11/2013 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh C lạm dụng việc việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh C.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị H phải nộp 300.000 đồng, chị H đã nộp 300.000đ dự phí tại biên lai thu số: 0000447 ngày 20/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử sơ thẩm công khai anh C và chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Đương sự
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hà Minh Lực

